

84/2025 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG ĐỒNG NAI – Độ sâu

Nguồn: Cảng vụ hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Thông báo số 1455/TBHH-CVHHTPHCM

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ĐN001, VN4SG003 (Phiên bản 3 cập nhật Ngày 18 tháng 9 năm 2025)

Chèn	Độ sâu, 9 ₅	10°45'08.85"N	106°46'42.76"E
	Độ sâu, 7 ₇	10°44'58.19"N	106°46'39.07"E
	Độ sâu, 9 ₅	10°45'02.38"N	106°46'39.01"E
Xóa	Độ sâu, 7 ₅	10°44'58.81"N	106°46'39.12"E
	Độ sâu, 9 ₉	10°45'04.15"N	106°46'40.76"E
	Độ sâu, 14	10°45'06.59"N	106°46'44.40"E
	Độ sâu, 9 ₁	10°45'08.88"N	106°46'42.79"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

84/2025 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – DONG NAI CHANNEL – Depth

Source: Maritime Administration of Ho Chi Minh, Notice No. 1455/TBHH-CVHHTPHCM

Chart affected – VN4ĐN001, VN4SG003 (Edition No. 3 updated on September 18th 2025)

Insert	Depth, 9 ₅	10°45'08.85"N	106°46'42.76"E
	Depth, 7 ₇	10°44'58.19"N	106°46'39.07"E
	Depth, 9 ₅	10°45'02.38"N	106°46'39.01"E
Delete	Depth, 7 ₅	10°44'58.81"N	106°46'39.12"E
	Depth, 9 ₉	10°45'04.15"N	106°46'40.76"E
	Depth, 14	10°45'06.59"N	106°46'44.40"E
	Depth, 9 ₁	10°45'08.88"N	106°46'42.79"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
